

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm, ông Giàng A Ngai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1997 tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H; có vợ Đặng Thị H1, sinh năm 1996 và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 10/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Hoàng T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1994 tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị T1; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 10/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Chị Đồng Thị H2, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: Số nhà C, đường L, tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị Huỳnh Thị H3, sinh năm 1985;
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1986;
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Dương Thị H4, sinh năm 1980;
Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

6. Anh Dương Phúc Đ1, sinh năm 1997;
Nơi cư trú: Xóm I, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1990;
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

8. Anh Lê Xuân H5, sinh năm 1984;
Nơi cư trú: Khu Phố C, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

(Đều vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đào Đức D, sinh năm 1975;
Nơi cư trú: Tổ B, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Bàn Thị N, sinh năm 1987;
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Phan Thị Y, sinh năm 1985;
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

4. Chị Lê Thị C, sinh năm 1985;
Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023, Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 (trú tại Khóm F, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị) đã liên hệ, mua của Hoàng Bá H6, sinh ngày 21/12/2004 (trú tại Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) một số tài khoản Facebook để nhằm tăng số lượng tương tác, phục vụ quảng cáo bán hàng online trên mạng xã hội Facebook của vợ chồng L. Đến tháng 3/2023, L nảy sinh ý định sử dụng các tài khoản Facebook bị hack (chiếm dụng quyền sử dụng) đã mua của H6 vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả mạo là chủ tài khoản Facebook nhắn tin cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp của chủ tài khoản hỏi vay tiền, sau đó chiếm đoạt. Để thực hiện ý định này, L đã sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 14 Pro

Max lắp thẻ sim số 0779.176.777 nhắn tin với tài khoản Telegram tên là “Nguyễn D1” (không rõ tên tuổi, địa chỉ) mua các tài khoản ngân hàng trùng họ, tên với chủ các tài khoản Facebook bị hack, với giá 500.000 đồng/01 tài khoản. Ngoài ra, L còn mua của “Nguyễn Diệp” một tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V), kèm theo 01 thẻ ATM, với giá 1.000.000 đồng, mục đích để nhận và rút tiền lừa đảo.

Sau đó, L sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus lắp thẻ sim số 0338.630.588 đăng nhập vào các tài khoản Facebook bị hack, giả mạo là chủ tài khoản nhắn tin đến người thân, bạn bè, đồng nghiệp của họ để hỏi vay tiền; khi những người này tin tưởng, đồng ý cho vay tiền và chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng do L cung cấp (họ tên chủ tài khoản ngân hàng trùng với họ tên chủ tài khoản Facebook), thì L dùng chiếc điện thoại di động N1 105 lắp thẻ sim không chính chủ (không nhớ số) sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển toàn bộ số tiền lừa đảo được vào tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2, rồi rút tiền ra chi tiêu cá nhân hết. Để thực hiện hành vi lừa đảo trên, trong tháng 3/2023 L đã rủ Phạm Hoàng T, sinh năm 1994 (trú tại Khóm G, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Ninh) cùng tham gia, T đồng ý và L đã chuyển cho T một số tài khoản Facebook bị hack, nhưng T không lừa được ai, nên L đã thuê và đưa cho T chiếc thẻ ATM tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2 để T trực tiếp đi rút tiền do L lừa đảo được; mỗi lần T đi rút tiền về, L trả tiền công cho T từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Bằng thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 12/3/2023 đến ngày 04/4/2023, Hoàng Văn L3 và Phạm Hoàng T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại. Cụ thể:

*** Ngày 12/3/2023:**

- Tại nhà của mình, L3 đã giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Dũng Đ2” (chủ tài khoản là anh Đào Đức Dũng, sinh năm 1975, trú tại tổ B, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Facebook “Hương Thạch”, chủ tài khoản là chị Đồng Thị H2, sinh năm 1981 (trú tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang), là đồng nghiệp với anh D, hỏi vay 6.000.000 đồng và L3 gửi cho chị H2 tài khoản ngân hàng số 106878242724 mang tên Đào Đức D mở tại V1 để chuyển tiền cho vay (trước đó L3 mua tài khoản ngân hàng này của “Nguyễn D1”). Do tin tưởng người hỏi vay tiền là anh D nên chị H2 đã đồng ý cho vay số tiền trên và sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 109005850142 mở tại V1 chuyển tiền cho vay 02 lần, tổng cộng là 6.000.000 đồng (13 giờ 51 phút chuyển 3.000.000 đồng; 13 giờ 58 phút chuyển 3.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng số 106878242724 do L3 cung cấp.

- Cũng trong ngày 12/3/2023, L3 còn giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Dũng Đ2” nhắn tin đến tài khoản Facebook “M1”, chủ tài khoản là chị Hoàng Thị M, sinh năm 1991 (trú tại tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang), là người quen của anh D, nói có việc gấp hỏi vay chị M 3.000.000 đồng; đồng thời L3 gửi cho chị M tài khoản ngân hàng số 106878242724 mang tên Đào Đức D. Tin tưởng người hỏi vay tiền là anh D đang cần tiền gấp nên chị M đã đồng ý cho vay

số tiền trên và sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 1122196666 mở tại V1 chuyển 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 106878242724 do L3 cung cấp.

Sau đó, L3 chuyển toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng của chị H2 và chị M từ tài khoản ngân hàng số 106878242724 mang tên Đào Đức D đến tài khoản ngân hàng số 282903839 mang tên Nguyễn Trí T2 mở tại V (tài khoản này của “Nguyễn D1”), rồi nhờ “Nguyễn D1” chuyển số tiền này đến tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2. Vài ngày sau, L3 bảo T đi rút tiền về đưa cho L3; khi nhận được tiền L3 cho T 1.000.000 đồng tiền công, giữ lại 8.000.000 đồng. L3 và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

*** Ngày 04/4/2023:**

- Hồi 18 giờ 34 phút, tại nhà mẹ vợ là bà Cái Thị D2, sinh năm 1965 (trú tại Khu phố G, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị), L3 đã giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Bao Ngoc” (*chủ tài khoản là chị Bàn Thị N, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên*), nhắn tin đến tài khoản Facebook “Huyền G”, chủ tài khoản là chị Huỳnh Thị H3, sinh năm 1990 (trú tại Tổ dân phố L, phường B, huyện S, tỉnh Thái Nguyên), là chị chồng của chị N, nói có việc gấp hỏi vay 3.000.000 đồng và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng S1 mang tên Bàn Thị Ngọc mở tại B. Do tin tưởng là chị N hỏi vay tiền nên chị H3 đã sử dụng tài khoản ngân hàng của chồng mình là anh Bàn Văn L4 số 99010000001480 mở tại Ngân hàng K chuyển cho vay 3.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 11610000988057 do L3 cung cấp.

- Hồi 19 giờ 59 phút, L3 giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Bao Ngoc” nhắn tin đến tài khoản Facebook “Loan T3”, chủ tài khoản là chị Trần Thị L1, sinh năm 1986 (trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên), là chị chồng của chị N, hỏi vay 3.000.000 đồng và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng số 11610000988057 mang tên Bàn Thị N. Do tin tưởng là chị N hỏi vay tiền nên chị L1 đã chuyển cho vay 3.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình số 39810000046447 mở tại B đến tài khoản ngân hàng số 11610000988057 do L3 cung cấp.

- Hồi 20 giờ 10 phút, L3 giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Bao Ngoc” nhắn tin đến tài khoản Facebook “Đông Phúc (Đ1)”, chủ tài khoản là anh Dương Phúc Đ1, sinh năm 1997 (trú tại tổ dân phố L, phường B, huyện S, tỉnh Thái Nguyên), là em họ của chị N, hỏi vay 3.000.000 đồng và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng số 11610000988057 mang tên Bàn Thị N. Tin tưởng người hỏi vay tiền là chị N, nhưng do trong tài khoản chỉ còn hơn 700.000 đồng, nên anh Đ1 đã chuyển cho vay 500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình số 100873973225 mở tại V1 đến tài khoản ngân hàng số A do L3 cung cấp.

- Hồi 21 giờ 31 phút, L3 tiếp tục giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Bao Ngoc” nhắn tin đến tài khoản Facebook “Titanick Dương”, chủ tài khoản là chị Dương Thị H4, sinh năm 1980 (trú tại thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa), là di của chị N, hỏi vay 3.000.000 đồng hứa sẽ trả sớm và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng số 11610000988057 mang tên Bàn Thị N. Tin tưởng người hỏi vay tiền

là chị N, chị H4 đã chuyển cho vay 3.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình số 101871999524 mở tại V1 đến tài khoản ngân hàng số A do L3 cung cấp.

Sau đó, L3 đã chuyển toàn bộ số tiền 9.500.000 đồng của các chị H3, L1, H4 và anh Đ1 từ tài khoản ngân hàng số 11610000988057 mang tên Bàn Thị N đến tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2. Vài ngày sau, L3 bảo T đi rút số tiền trên về đưa cho L3; khi nhận được tiền L3 cho T 1.000.000 đồng tiền công, giữ lại 8.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, L3 và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

*** Ngày 05/4/2023:**

Tại nhà ở của mình, L3 giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Yến P” (*chủ tài khoản là chị Phan Thị Y, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam*), nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Facebook “Quyen Bui”, chủ tài khoản là chị Bùi Thị Q, sinh năm 1990 (trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam), là bạn của chị Y, hỏi vay 5.000.000 đồng và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng số 11710000315032 mang tên Phan Thị Y mở tại B. Do tin tưởng là chị Y hỏi vay tiền nên chị Q đã chuyển cho vay 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình số 2905205270723 mở tại A đến tài khoản số 11710000315032 do L3 cung cấp.

Sau đó, L3 đã chuyển toàn bộ số tiền trên từ tài khoản ngân hàng số 11710000315032 mang tên Phan Thị Y đến tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2. Vài ngày sau, L3 bảo T đi rút tiền về đưa cho L3; khi nhận được tiền L3 cho T 500.000 đồng tiền công, giữ lại 4.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, L3 và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

*** Ngày 02/5/2023:**

Tại một quán bán hàng nước ở thành phố Đà Nẵng (không nhớ địa chỉ cụ thể), L3 đã giả mạo là chủ tài khoản Facebook “Chung L5” (*chủ tài khoản là chị Lê Thị C, sinh năm 1985, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa*) nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Facebook “L”, chủ tài khoản là anh Lê Xuân H5, sinh năm 1984 (trú tại khu phố C, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình), là bạn của chị C, hỏi vay 10.000.000 đồng và gửi kèm theo tài khoản ngân hàng số 12910000656242 mang tên Lê Thị C mở tại B. Tin tưởng người hỏi vay tiền là chị C nên anh H5 đã chuyển 10.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình số 020617281983 mở tại L7 đến tài khoản số 12910000656242 do L3 cung cấp.

Sau đó, L3 chuyển số tiền trên từ tài khoản ngân hàng S2 mang tên Lê Thị C đến tài khoản số 543756789 mang tên Vũ Văn L2, rồi tiếp tục chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của người khác để rút tiền mặt (không nhớ là tài khoản của ai). Toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng chiếm đoạt của anh H5, L3 đã chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 12/3/2023 đến ngày 02/5/2023, Nguyễn Văn L và Phạm Hoàng T đã có hành vi sử dụng các tài khoản Facebook bị hack (bị chiếm quyền sử dụng) do L mua của Hoàng Bá H6, trú tại Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và các tài khoản ngân hàng trùng họ tên với các chủ tài khoản

Facebook bị hack (L mua của tài khoản Telegram tên là “Nguyễn D1”, không rõ tên tuổi, địa chỉ), để giả mạo là chủ tài khoản Facebook bị hack, nhắn tin đến 08 tài khoản Facebook là người thân, bạn bè, đồng nghiệp của chủ tài khoản bị giả mạo (08 bị hại), lừa hỏi vay tiền và chiếm đoạt tổng số tiền là 33.500.000 đồng (*chiếm đoạt của chị Đồng Thị H2 6.000.000 đồng, chị Hoàng Thị M 3.000.000 đồng, chị Huỳnh Thị H3 3.000.000 đồng, chị Trần Thị L1 3.000.000 đồng; chị Dương Thị H4 3.000.000 đồng; anh Dương Phúc Đ1 500.000 đồng, chị Bùi Thị Q 5.000.000 đồng, anh Lê Xuân H5 10.000.000 đồng*). Trong đó, L trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên và hưởng 31.000.000 đồng; T biết rõ việc L lừa đảo chiếm đoạt tiền của 07 bị hại và trực tiếp đi rút 23.500.000 đồng lừa đảo được của các bị hại này về đưa cho L, T được hưởng 2.500.000 đồng tiền công. Toàn bộ số tiền lừa đảo trên, L và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

*** Về kết luận giám định**

Tại Kết luận giám định số 815/KL-KTHS ngày 25/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

- Tại điện thoại di động Iphone 8 Plus (lắp sim số 0338.630.588) thu giữ của Lâm phần dữ liệu tin nhắn giữa tài khoản facebook “H” và tài khoản Facebook “Chung L6” có nội dung lừa đảo, chiếm đoạt tài sản do bị can L thực hiện.

- Đối với các dữ liệu khác thu giữ được tại điện thoại Iphone 14 ProMax thể hiện nội dung tin nhắn với các chủ tài khoản Facebook khác nhưng L không lừa được tiền, hoặc các tài khoản này đã bị đối tượng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản rồi nên L không thực hiện được hành vi lừa đảo nữa.

- Không tiến hành giám định được đối với 02 điện thoại Iphone 6 Plus (lắp sim số 0879.438.544) và điện thoại Iphone X (lắp sim số 0389.258.774) thu giữ của T do không có mật khẩu mở khóa màn hình.

Bản Cáo trạng số 49/CT-VKSTQ-P1 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét các bị cáo không có thu nhập nên không đề nghị phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị hại chị Đồng Thị H2, Hoàng Thị M, Huỳnh Thị H3, Trần Thị L1, Dương Thị H4, chị Bùi Thị Q và các anh Lê Xuân H5, Dương Phúc Đ1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt của 08 bị hại là 33.500.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong quá trình điều tra, ngày 15/9/2023, bị cáo L đã giao nộp số tiền 31.000.000 đồng; bị cáo T đã giao nộp số tiền 2.500.000 đồng để trả lại cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, vỏ màu vàng hồng, số IMEI 352979090971358, lắp sim Viettel số 0338.630.588; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEI: 350078311372728 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, vỏ màu tím, số IMEI 351088762958262, lắp sim V2 số 0779.176.777, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Phạm Hoàng T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus, vỏ màu xám, số IMEI 353286079834576, lắp sim Vinaphone số 0879.438.544; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone X, vỏ màu trắng, số IMEI 354839092819930, lắp sim Viettel số 0389.258.774, mặt sau bị vỡ kính; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh, số IMEI: 355763101588667, bên trong lắp 01 sim nhà mạng Viettel số 0978.987.774, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất, cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định, không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang,

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội:

Trong thời gian từ ngày 12/3/2023 đến ngày 02/5/2023, Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 (trú tại Khóm F, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị) và Phạm Hoàng T, sinh năm 1994 (trú tại Khóm G, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị) đã có hành vi sử dụng các tài khoản Facebook bị hack, bị chiếm quyền sử dụng (L mua của Hoàng Bá H6, trú tại khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) và các tài khoản ngân hàng có trùng họ tên với các chủ tài khoản Facebook trên (L mua của tài khoản T4 “Nguyễn D1”, không rõ tên tuổi, địa chỉ), để giả mạo là các chủ tài khoản Facebook bị hack, nhắn tin đến 08 tài khoản Facebook là người thân, bạn bè, đồng nghiệp của họ (08 bị hại), lừa hỏi vay tiền rồi chiếm đoạt tổng số tiền là 33.500.000 đồng. Trong đó, L trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên và hưởng 31.000.000 đồng; T biết rõ việc L lừa đảo chiếm đoạt tiền của 07 bị hại và trực tiếp đi rút 23.500.000 đồng lừa đảo được của các bị hại này về đưa cho L, T được hưởng 2.500.000 đồng tiền công. Toàn bộ số tiền lừa đảo trên, L và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể:

- **Ngày 12/3/2023:** L giả mạo chủ tài khoản Facebook “Dũng Đ2” (*chủ tài khoản này là anh Đào Đức Dũng, sinh năm 1975, trú tại tổ B, phường Ý, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang*), nhắn tin lừa hỏi vay tiền, chiếm đoạt của chị Đồng Thị H2, trú tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (chủ tài khoản Facebook “Hương Thạch”, là đồng nghiệp của anh D) số tiền 6.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Hoàng Thị M, trú tại tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (chủ tài khoản Facebook “M1”, là người quen của anh D) số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, L bảo T đi rút 9.000.000 đồng trên về đưa cho L; L cho T 1.000.000 đồng tiền công, giữ lại 8.000.000 đồng.

- **Ngày 04/4/2023:** L giả mạo chủ tài khoản Facebook “Bao Ngọc” (*chủ tài khoản này là chị Bàn Thị N, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên*), nhắn tin lừa hỏi vay tiền, chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị H3, trú tại tổ dân phố L, phường B, huyện S, tỉnh Thái Nguyên (chủ tài khoản Facebook “H”, là chị chồng của chị N) số tiền 3.000.000 đồng. Cùng thủ đoạn trên, trong cùng ngày L còn chiếm đoạt của chị Trần Thị L1, trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (chủ tài khoản Facebook “Loan T3”, là chị chồng của chị N) số tiền 3.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Dương Phúc Đ1, trú tại tổ dân phố L, phường B, huyện S, tỉnh Thái Nguyên (chủ tài khoản Facebook “Đông Phúc (Đông)”, là em họ của chị N) số tiền 500.000 đồng; chiếm đoạt của chị Dương Thị H4, trú tại thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (chủ tài khoản Facebook “T”, là dì của chị N) số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, L bảo T đi rút toàn bộ 9.500.000 đồng trên về đưa cho L; L cho T 1.000.000 đồng tiền công, giữ lại 8.500.000 đồng.

- **Ngày 05/4/2023:** L giả mạo chủ tài khoản Facebook “Yến P” (*chủ tài khoản là chị Phan Thị Y, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam*), nhắn tin lừa hỏi vay tiền rồi chiếm đoạt của chị Bùi Thị Q, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (chủ tài khoản Facebook “Quyen Bui”, là bạn của chị Y) số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, L bảo T đi rút số tiền trên về đưa cho L; L cho T 500.000 đồng tiền công, giữ lại 4.500.000 đồng.

- **Ngày 02/5/2023:** L đã giả mạo chủ tài khoản Facebook “Chung L5” (*chủ tài khoản là chị Lê Thị C, sinh năm 1985, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa*), nhắn tin lừa hỏi vay tiền rồi chiếm đoạt của anh Lê Xuân H5, trú tại khu phố C, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (chủ tài khoản Facebook “L”, là bạn của chị C) số tiền là 10.000.000 đồng. Sau đó, L chuyển số tiền trên đến tài khoản ngân hàng của một người khác (không nhớ là tài khoản của ai) rồi rút ra tiền mặt chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; 02 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Văn L có bố đẻ là ông Nguyễn Văn S được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba, quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Văn L trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, được hưởng lợi số tiền 31.000.000 đồng nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phạm Hoàng T biết rõ việc L lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, trực tiếp đi rút tiền (23.500.000 đồng) về đưa cho bị cáo L, được hưởng 2.500.000 đồng tiền công, có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng; phạm tội với vai trò đồng phạm không đáng kể, sau khi phạm

tội đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, do vậy không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp cần xử phạt các bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phải có trách nhiệm bồi thường cho 08 bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 33.500.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Đồng Thị H2, trú tại Thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).
- Bồi thường cho chị Hoàng Thị M, trú tại Số nhà C, đường L, tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).
- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị H3, trú tại Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).
- Bồi thường cho chị Trần Thị L1, trú tại Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).
- Bồi thường cho chị Dương Thị H4, trú tại Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng) số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).
- Bồi thường cho anh Dương Phúc Đ1, trú tại Xóm I, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
- Bồi thường cho chị Bùi Thị Q, trú tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).
- Bồi thường cho anh Lê Xuân H5, trú tại Phố C, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*), bị cáo Phạm Hoàng T có trách nhiệm bồi thường 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Số tiền 33.500.000 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra (trong đó bị cáo Nguyễn Văn L tự nguyện giao nộp 31.000.000 đồng, bị cáo Phạm Hoàng T tự nguyện giao nộp 2.500.000 đồng) theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 9543410 ngày 19/9/2023 hiện đã được chuyển tới tài khoản số 3949.0.01054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi số 10/231108_1006751_2461009 lập ngày 08/11/2023. Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án phần bồi thường cho các bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, vỏ màu vàng hồng, số IMEI 352979090971358, lắp sim Viettel số 0338.630.588; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEI: 350078311372728 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, vỏ màu tím, số IMEI 351088762958262, lắp sim V2 số 0779.176.777, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Phạm Hoàng T các tài sản sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus, vỏ màu xám, số IMEI 353286079834576, lắp sim Vinaphone số 0879.438.544; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone X, vỏ màu trắng, số IMEI 354839092819930, lắp sim Viettel số 0389.258.774, mặt sau bị vỡ kính; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh, số IMEI: 355763101588667, bên trong lắp 01 sim nhà mạng Viettel số 0978.987.774, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với Hoàng Bá H6 (trú tại khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa): Bán cho bị cáo L 19 tài khoản Facebook bị chiếm hack, với tổng số tiền là 5.900.000 đồng. Trong đó, có 04 tài khoản Facebook của anh Đào Đức D và các chị Bàn Thị N, Phan Thị Y, Lê Thị C, sau đó bị cáo L sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi bán các tài khoản Facebook bị hack trên cho L, H6 không biết L sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên hành vi của H6 không cấu thành tội phạm.

Ngoài những tài khoản Facebook đã bán cho L, H6 còn khai đã mua 523 tài khoản Facebook của Võ Thanh P1, sinh ngày 13/02/1997 (trú tại 68/16/9 KP4 T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), với tổng số tiền là 36.610.000 đồng để bán lại cho những người có nhu cầu sử dụng chạy quảng cáo và tăng tương tác bán hàng trên mạng. P1 khai bản thân mua những tài khoản Facebook của nhiều người trên mạng xã hội, nhưng không xác định được chủ tài khoản là ai, không biết tài khoản bị chiếm đoạt hay không; P1 không lưu trữ thông tin người bán, người mua tài khoản Facebook với mình, nên không có căn cứ để làm rõ. Quá trình điều tra không thu được dữ liệu, không có tài liệu nào thể hiện các tài khoản Facebook bị chiếm đoạt có chứa thông tin cá nhân riêng hợp pháp theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nên không có căn cứ xem xét, xử lý hành vi mua bán tài khoản Facebook của H6 và P1.

Đối với tài khoản T4 “Nguyễn D1”: Quá trình điều tra không xác định được thông tin về số điện thoại, tên tuổi, địa chỉ liên hệ của chủ tài khoản này. Xác minh thông tin đối với các chủ tài khoản ngân hàng Vũ Văn L2, Đào Đức D, Bàn Thị N, Phan Thị Y, Lê Thị C tại 05 ngân hàng, nhưng không xác định được con người cụ thể, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ hành vi làm giả các tài khoản ngân hàng trên của “Nguyễn D1”. Bị cáo L khai nhận khi đặt mua những tài khoản ngân hàng trùng họ tên với các tài khoản Facebook bị hack để nhằm mục đích sử dụng

vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng L cũng không biết nguồn gốc các tài khoản ngân hàng này là do “Nguyễn D1” tạo ra hay là mua của những người khác, nên không đủ căn cứ để xem xét, kết luận L có hành vi sử dụng tài khoản ngân hàng giả.

Ngoài ra, bị cáo L còn khai nhận việc tài khoản T4 “Nguyễn D1” đã nhiều lần mượn tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2 mở tại V (mà trước đó “Nguyễn Diệp” đã bán cho L) để thực hiện giao dịch nhận, chuyển tiền với các tài khoản ngân hàng khác. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã thông báo phương thức, thủ đoạn và truy tìm bị hại, đối tượng có liên quan đến tài khoản ngân hàng số 543756789 mang tên Vũ Văn L2 và tài khoản Telegram “Nguyễn Diệp” đến Công an các tỉnh, thành phố và tiếp tục phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc thẻ ngân hàng A1 (số tài khoản 543756789 mang tên Vũ Văn L2): Bị cáo T khai sau khi đi rút tiền cho L do lo sợ bị phát hiện, T đã vứt chiếc thẻ ATM này (không nhớ rõ vị trí vứt thẻ), nên quá trình điều tra không thu giữ được.

Đối với chị Đặng Thị H1 (vợ bị cáo L): Không biết việc bị cáo L mua bán các tài khoản Facebook bị hack và các tài khoản ngân hàng trùng họ tên với các tài khoản Facebook để sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại trước, nên không buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2023).

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (T5) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T phải có trách nhiệm bồi thường cho 08 bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 33.500.000 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*), cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Đồng Thị H2, trú tại Thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Hoàng Thị M, trú tại Số nhà C, đường L, tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị H3, trú tại Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Trần Thị L1, trú tại Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Dương Thị H4, trú tại Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng) số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Dương Phúc Đ1, trú tại Xóm I, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho chị Bùi Thị Q, trú tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Lê Xuân H5, trú tại Phố C, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*), bị cáo Phạm Hoàng T có trách nhiệm bồi thường 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Số tiền 33.500.000 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra (trong đó bị cáo Nguyễn Văn L tự nguyện giao nộp 31.000.000 đồng, bị cáo Phạm Hoàng T tự nguyện giao nộp 2.500.000 đồng) theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 9543410 ngày 19/9/2023 hiện đã được chuyển tới tài khoản số 3949.0.01054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi số 10/231108_1006751_2461009 lập ngày 08/11/2023. Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án phần bồi thường cho các bị hại.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) điện thoại để sung công quỹ Nhà nước gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, vỏ màu vàng hồng, số IMEI 352979090971358, lắp sim Viettel số 0338.630.588, đã qua sử dụng (ký hiệu A1);

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEI: 350078311372728, đã qua sử dụng (ký hiệu A3).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, vỏ màu tím, số IMEI 351088762958262, lắp sim V2 số 0779.176.777, đã qua sử dụng (ký hiệu A2);

Được đựng trong 01 (Một) phong bì, được dán giấy niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu Phòng K1 Công an tỉnh T tại các phần có thể bóc, mở được của phong bì, bên ngoài ghi chữ “Vụ 815/2023 (A1+A2+A3).

Trả lại cho bị cáo Phạm Hoàng T các tài sản sau, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus, vỏ màu xám, số IMEI 353286079834576, lắp sim Vinaphone số 0879.438.544, đã qua sử dụng (ký hiệu A4);

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone X, vỏ màu trắng, số IMEI 354839092819930, lắp sim Viettel số 0389.258.774, mặt sau bị vỡ kính, đã qua sử dụng (ký hiệu A5);

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh, số IMEI: 355763101588667, bên trong lắp 01 sim nhà mạng Viettel số 0978.987.774, đã qua sử dụng (ký hiệu A6).

Được đựng trong 01 (Một) phong bì, được dán giấy niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu Phòng K1 Công an tỉnh T tại các phần có thể bóc, mở được của phong bì, bên ngoài ghi chữ “Vụ 815/2023 (A4+A5+A6).

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 01/11/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Hoàng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Chương